

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA NÔNG HỘ SẢN XUẤT LÚA TRONG MÔ HÌNH CÁNH ĐỒNG MẪU LỚN Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

✍ ThS. NGUYỄN QUỐC NGHI
Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình cánh đồng mẫu lớn (CDML) ở thành phố Cần Thơ. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ 240 nông hộ tham gia mô hình CDML ở các huyện Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Ứng dụng mô hình hồi qui logit, kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ là diện tích đất sản xuất, trình độ học vấn của chủ hộ, tham gia hội đoàn thể và quen biết với tổ chức tín dụng. Trong đó, yếu tố quen biết với tổ chức tín dụng giữ vai trò quan trọng, ảnh hưởng mạnh đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ.

Từ khóa: nhu cầu, tín dụng chính thức, nông hộ, mô hình cánh đồng mẫu lớn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mô hình cánh đồng mẫu lớn (CDML) là một chương trình hành động cụ thể hóa chủ trương xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng CDML cũng là một giải pháp quan trọng lâu dài góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được nêu trong Nghị quyết số 21/2011/QH13 ngày 26/11/2011 của Quốc hội. Theo đó, từ vụ Hè Thu năm 2011, ngành Nông nghiệp thành phố Cần Thơ đã triển khai thí điểm mô hình CDML với quy mô 400 ha tại huyện Vĩnh Thạnh. Qua 3 năm thực hiện, thành phố Cần Thơ đã xây dựng được 63 CDML có tổng diện tích 15.000 ha với 12.000 hộ dân tham gia, chiếm 30% diện tích sản xuất lúa của thành phố Cần Thơ (Hữu Trãi, 2014). Việc áp dụng mô hình sản xuất tập trung đã tạo điều kiện phát huy hiệu quả mô hình “liên kết bốn nhà”, thúc đẩy nâng cao chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh lúa gạo và tăng thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, mô hình cánh đồng mẫu lớn ở thành phố Cần Thơ vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cần phải giải quyết. Trong đó, vấn đề nguồn tài lực của nông hộ là một trong những vấn đề cấp thiết. Tín dụng nông nghiệp từ các tổ chức tín dụng chính thức là “cứu cánh” cho việc bổ sung nguồn vốn tái đầu tư và mở rộng qui mô sản xuất lúa của nông hộ tham gia mô hình CDML. Tuy nhiên, việc nông hộ tiếp cận được các nguồn vốn chính thức vẫn còn nhiều vấn đề cần được giải quyết. Chính vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm giải quyết các mục tiêu: (i) Phân tích thực trạng tiếp cận tín dụng và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML, (ii) Đề xuất một số kiến nghị nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng chính thức cho nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML ở thành phố Cần Thơ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu

Vấn đề tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ là một chủ đề được nhiều chuyên gia, nhà khoa học quan tâm. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng việc tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau như tài sản thế chấp của nông hộ, diện tích đất canh tác, trình độ học vấn, khả năng quen biết với các tổ chức tín dụng,... Mỗi yếu tố sẽ có tác động khác nhau đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Theo nghiên cứu của Mirko Bendig et al (2009), Zeller (1994), Phạm Bảo Dương và Yoichi Izumida (2002), diện tích đất mà nông hộ sở hữu có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Theo Tomoko Kaino (2006), Nguyễn Quốc Nghi (2010, 2011a), Trần Thọ Đạt (1998), trình độ học vấn của nông hộ có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Ngoài ra, theo Phạm Bảo Dương và Yoichi Izumida (2002), Nguyễn Quốc Nghi (2011a, 2011c), Nguyễn Văn Ngân và Lê Khương Ninh (2005), kinh nghiệm sản xuất có mối tương quan thuận với khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Trần Thọ Đạt (1998), Phạm Bảo Dương và Yoichi Izumida (2002), Nguyễn Quốc Nghi (2010, 2011b) cũng đã chứng minh một số yếu tố xã hội như việc hộ có tham gia hội đoàn thể hay có quen biết với các tổ chức tín dụng sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ.

Trên cơ sở khảo sát thực tế và kế thừa các kết quả nghiên cứu có liên quan, mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML được đề xuất như sau:

$$TCTDCT = \beta_0 + \beta_1HOCVAN + \beta_2KINHNGHIEM + \beta_3DIENTICH + \beta_4HOATDONG + \beta_5HOIDOANTHE + \beta_6QUENBIET$$

Trong đó: TCTDCT là biến phụ thuộc đo lường khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML, nhận giá trị 1 nếu nông hộ có vay vốn từ các tổ chức tín dụng và giá trị 0 nếu ngược lại; các biến độc lập trong mô hình được diễn giải như sau:

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Biến số	Diễn giải biến	Kỳ vọng
HOCVAN	Số năm đến trường của chủ hộ tính đến thời điểm nghiên cứu (năm)	+
KINHNGHIEM	Số năm kinh nghiệm trồng lúa của chủ hộ tính đến thời điểm nghiên cứu (năm)	+
DIENTICH	Tổng diện tích đất trồng lúa của nông hộ tại thời điểm nghiên cứu (1.000 m ²)	+
HOATDONG	Tổng số hoạt động tạo ra thu nhập cho hộ gia đình tại thời điểm nghiên cứu (số hoạt động)	+
HOIDOANTHE	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nông hộ có tham gia các hội đoàn thể tại địa phương và giá trị 0 nếu ngược lại	+
QUENBIET	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nông hộ có quen biết với các tổ chức tín dụng và giá trị 0 nếu ngược lại	+

Nguồn: Đề xuất của tác giả

2.2. Dữ liệu và phương pháp phân tích

Theo Green (1991) cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được trong phân tích hồi qui được tính bằng công thức: $50 + 8m$ (m : số biến độc lập). Mô hình nghiên cứu thiết lập với 6 biến độc lập, tức là kích thước mẫu tối thiểu là 98 quan sát. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu hạn ngạch (quota). Các tiêu chí phân nhóm được sử dụng trong nghiên cứu là: địa bàn hành chính, qui mô sản xuất và các đặc điểm nhân khẩu học. Đối tượng khảo sát là nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML

trên địa bàn TP. Cần Thơ. Tổng số nông hộ được khảo sát là 240, trong đó 93 nông hộ ở huyện Vĩnh Thạnh, 72 nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, 40 nông hộ ở huyện Thới Lai và 35 nông hộ ở huyện Phong Điền.

Dựa vào mô hình nghiên cứu, phương pháp phân tích kinh tế định lượng bằng mô hình hồi qui logit được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML. Bên cạnh đó, phương pháp thống kê mô tả cũng được sử dụng để phản ánh thực trạng tiếp cận các nguồn tín dụng của nông hộ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình tiếp cận tín dụng của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML

Dựa vào số liệu khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức chiếm khá cao (68,75%), trong khi tỷ lệ nông hộ tiếp cận với nguồn tín dụng bán chính thức (17,5%) và phi chính thức (27,08%) cũng không ít. Khi tiếp cận nguồn tín dụng chính thức, phần lớn nông hộ chọn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngân hàng Chính sách Xã hội để vay vốn. Đối với nguồn tín dụng bán chính thức, nông hộ tiếp cận với các nguồn như Hội Nông dân và Hội Phụ nữ. Trong khi đối với nguồn tín dụng phi chính thức, phần lớn nông hộ sử dụng tín dụng thương mại để tăng nguồn vốn đầu tư sản xuất hoặc vay mượn nguồn vốn từ người thân, bạn bè hay từ người cho vay tư nhân tại địa phương. Nhìn chung, nguồn tín dụng chính thức vẫn giữ vai trò rất quan trọng trong việc bổ sung tiềm lực tài chính cho nông hộ trồng lúa trong mô hình CĐML.

Bảng 2: Các nguồn tiếp cận tín dụng của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML

Nguồn vay	Tỷ lệ (%)	Số tiền vay (1.000đ)	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất/năm (%)
Chính thức	68,75	28.750	7,5	12,4
Bán chính thức	17,50	5.430	2,4	10,4
Phi chính thức	27,08	8.240	1,2	50,5

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2015

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 còn cho thấy, các nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML vay vốn từ nguồn tín dụng chính thức với số tiền trung bình là 28,75 triệu đồng, thời hạn vay trung bình là 7,5 tháng với lãi suất/năm là 12,4%. Trong khi số tiền trung bình mà nông hộ tiếp cận từ nguồn tín dụng bán chính thức là 5,43 triệu đồng với mức lãi suất tương ứng là 10,4%/năm trong thời hạn vay trung bình là 2,4 tháng. Bên cạnh đó, một số nông hộ đã tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức với số tiền vay trung bình là 8,24 triệu đồng với điều kiện lãi suất là 50,5%/năm trong thời gian vay là 1,2 tháng. Tuy tỷ lệ nông hộ tiếp cận với nguồn tín dụng phi chính thức không cao nhưng phải chịu mức lãi suất rất cao, điều này ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đầu tư của nông hộ. Đây là vấn đề cần lưu tâm của ngành nông nghiệp địa phương và các tổ chức tín dụng.

Bảng 3: Mục đích sử dụng tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa trong mô hình CĐML

Tiêu chí	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)
Mục đích vay vốn		
Phục vụ sản xuất lúa	145	87,87
Tiêu dùng (sinh hoạt, sửa chữa nhà,...)	68	41,21
Buôn bán/làm dịch vụ	27	16,36
Khác (chữa bệnh, cho con đi học,...)	18	10,90
Sử dụng vốn vay		
Hoàn toàn đúng mục đích	124	75,15
Một phần đúng mục đích	30	18,18
Không đúng mục đích	11	6,67

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2015

Dựa vào số liệu thống kê ở Bảng 3 cho thấy, phần lớn nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML tiếp cận tín dụng chính thức để phục vụ sản xuất lúa (chiếm 87,87%). Bên cạnh đó, nông hộ vay tín dụng chính thức để phục vụ tiêu dùng cũng chiếm tỷ lệ khá cao (41,21%), trong khi một số nông hộ tiếp cận tín dụng chính thức với mục đích mua bán nhỏ/làm dịch vụ (16,36%) hay chữa bệnh, cho con đi học,.... Kết quả khảo sát còn cho thấy, tỷ lệ nông hộ sử dụng nguồn vốn vay tín dụng chính thức hoàn toàn đúng mục đích khá cao (chiếm 75,15%), còn lại 18,18% nông hộ sử dụng một phần vốn vay đúng mục đích và 6,67% nông hộ sử dụng vốn vay hoàn toàn không đúng mục đích. Như vậy, vẫn còn một bộ phận nông hộ sử dụng vốn vay không đúng với mục đích vay vốn, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của nông hộ, khả năng hoàn vốn của nông hộ và khả năng tái cấp vốn của tổ chức tín dụng trong lần xin vay tiếp theo của nông hộ.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML, phương pháp phân tích hồi qui logit được sử dụng để kiểm định mô hình đã thiết lập. Trước khi kiểm định mô hình, kiểm định Corr được sử dụng để xác định mức độ tương quan giữa các biến độc lập, kết quả kiểm định cho thấy các giá trị đều nhỏ hơn 0,7, vì vậy hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình không đáng kể (Mai Văn Nam, 2008).

Bảng 4. Kết quả phân tích mô hình logit

Biến số	Hệ số $\hat{\alpha}$	dY/dX	Giá trị P	Mức ý nghĩa
Hằng số	- 6,784	-	0,000	***
HOCVAN	0,350	0,087	0,013	**
KINHNGHIEM	0,116	0,029	0,158	ns
DIENTICH	0,815	0,203	0,000	***
HOATDONG	0,468	0,117	0,034	**
HOIDOANTHE	1,521	0,380	0,028	**
QUENBIET	1,844	0,461	0,000	***
Số quan sát (N)				240
Giá trị -2Log likelihood				186,340
Mức độ dự báo chính xác (%)				84,130
Giá trị Prob > χ^2				0,000

Nguồn: Kết quả phân tích mô hình logit từ số liệu điều tra, năm 2015

Ghi chú: ***: Mức ý nghĩa 1%; **: Mức ý nghĩa 5%; ns: Không có ý nghĩa

Dựa vào kết quả phân tích hồi qui logit cho thấy, mô hình được thiết lập phù hợp với các kiểm định được đảm bảo như sau: (1) Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa ($\text{Prob} > \chi^2 = 0,000$) nhỏ hơn rất nhiều so với mức 5%. (2) Giá trị -2Log Likelihood = 186,34 thể hiện mức độ phù hợp của mô hình. Mức độ dự báo chính xác của mô hình là 84,13%. Theo kết quả phân tích, trong các biến đưa vào mô hình thì có 1 biến không có ý nghĩa thống kê, đó là biến kinh nghiệm sản xuất (KINHNGHIEM), còn lại 5 biến trình độ học vấn của chủ hộ (HOCVAN), diện tích sản xuất (DIENTICH), tham gia hội đoàn thể (HOIDOANTHE), hoạt động tạo thu nhập (HOATDONG) và quen biết với tổ chức tín dụng (QUENBIET) đều có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và 5%. Các biến này đều tương quan thuận với khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ, hay nói cách khác nếu chủ hộ có trình độ học vấn càng cao, diện tích sản xuất lúa càng nhiều, hộ có nhiều hoạt động sinh kế, hộ có tham gia hội đoàn thể địa phương và có mối quan hệ với các tổ chức tín dụng thì khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức sẽ được nâng cao. Trong số các biến có ý nghĩa thống kê, biến quen biết với tổ chức tín dụng (QUENBIET) có mức độ tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML. Khi nông hộ có người thân hay bạn bè thân hữu làm việc trong lĩnh vực ngân hàng thì họ sẽ giúp đỡ, hướng dẫn cho nông hộ những quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện cho vay của tổ chức tín dụng. Từ đó, nông hộ có thể hiểu rõ và việc

tiếp cận nguồn tín dụng chính thức trở nên suông sẻ hơn. Đồng thời, khi nông hộ có mối quan hệ quen biết càng nhiều, sẽ tạo được lòng tin với tổ chức tín dụng, nhờ mối quan hệ này, các nông hộ có thể tiếp cận được những khoản vay lớn hơn so với những hộ không có mối quan hệ quen biết.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu đã giải quyết được các mục tiêu đề ra với một số kết luận quan trọng được rút ra như sau: (i) Nguồn tín dụng chính thức giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình tái đầu tư và mở rộng qui mô sản xuất của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML, trong đó, vai trò của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là rất quan trọng; (ii) Mục đích tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của phần lớn nông hộ vẫn là đầu tư vào sản xuất lúa, đồng thời tỷ lệ nông hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích khá cao; (iii) Các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ là trình độ học vấn, số hoạt động tạo thu nhập, diện tích sản xuất, tham gia hội đoàn thể và quen biết với tổ chức tín dụng. Trong đó, nhân tố quen biết với tổ chức tín dụng có tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CĐML. Từ các kết luận trên, một số kiến nghị được đề xuất nhằm nâng cao khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức cho nông hộ tham gia mô hình CĐML như sau: (1) Nâng cao ý thức tự giác học tập, trau dồi kiến thức, thường xuyên cập nhật các thông tin về nguồn tín dụng chính thức, đặc biệt là nguồn tín dụng hỗ trợ của Chính phủ đối với phát triển nông nghiệp; (2) Nâng cao nhận thức về vai trò của các tổ chức hội đoàn thể địa phương, tích cực tham gia và vận động mọi người cùng tham gia các tổ chức đoàn thể để trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ thông tin, đồng thời thông qua hội đoàn thể nông hộ có thể tiếp cận với các tổ chức tín dụng chính thức tốt hơn; (3) Song song đó, nông hộ nên nghiên cứu đa dạng hóa sinh kế, tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi để tăng thu nhập, tạo niềm tin cho các tổ chức tín dụng chính thức, từ đó dễ tiếp cận với nguồn tín dụng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Bảo Dương và Yoichi Izumida (2002), Rural development finance in Vietnam: a microeconomic analysis of household surveys, *World development*, 30(2), 319-333.
2. Tran Tho Dat (1998), Borrower transactions costs and credit rationing: a study of the rural credit market in Vietnam, Paper prepared for the region, Asia pacific, experience and Vietnam's economic policy directions, Hanoi.
3. Green SB, (1991). How many subjects does it take to do a regression analysis? *Multivariate Behavioral Research* 1991; 26: 499-510.
4. Mirko Bendig, Lena Giesbert, Susan Steiner (2009). Savings, credit and insurance: Household Demand for Formal Financial Services in Rural Ghana, *GIGA Working Paper Series* 94, GIGA German Institute of Global and Area Studies.
5. Mai Văn Nam (2008), Kinh tế lượng (Econometrics), NXB Văn hóa Thông tin.
6. Nguyễn Quốc Nghi (2010), Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu tín dụng chính thức của hộ sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Ngân hàng*, số 20, 29-32.
7. Nguyễn Quốc Nghi (2011a), Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu tín dụng chính thức của nông hộ ở làng hoa Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp, *Tạp chí Ngân hàng*, số 10, 50-53.
8. Nguyễn Quốc Nghi (2011b), Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của hộ nghèo, *Tạp chí Ngân hàng*, số 7, 46-49.
9. Nguyễn Quốc Nghi và ctg (2011c), Nhu cầu tín dụng chính thức trong phát triển mô hình nuôi baba của nông hộ ở tỉnh Kiên Giang, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 65, 39-44.
10. Nguyễn Văn Ngân và Lê Khương Ninh (2008), Những nhân tố quyết định đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân ở ĐBSCL, trong *Cơ sở cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ và nông hộ ở ĐBSCL*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
11. Tomoko Kaino (2006). Rural Credit Markets in Myanmar: A Study of Formal and Non-Formal Lenders, *Asian Journal of Agriculture and Development*, Vol. 3, 1-15.
12. Hữu Trãi (2014), Cánh đồng mẫu lớn tại Cần Thơ lãi hơn tới 4 triệu đồng/ha, truy cập <http://vov.vn/kinh-te/canh-dong-mau-lon-tai-can-tho-lai-hon-toi-4-trieu-dongha-364349.vov>.
13. Zeller (1994), Determinants of credit rationing: a study of informal lenders and formal credit groups in Madagascar, *World Development*, Vol. 22, Issue 12, 1895-1907.